

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Số: 05/2021/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG,
KIẾN TRÚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2015/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý

quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/02/2021 và thay thế Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh về việc phân công phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 về sửa đổi Điều 6 của Quy định phân công phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c thành viên UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Viện kiểm sát tỉnh, Tòa án tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- Công báo tỉnh;
- Công TĐĐT tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: HCTC, KSTTHC, KTTH, XDCB, VX, NC, NNTN, các PCVP, CVP;
- Lưu: VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

QUY ĐỊNH

**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH BẮC NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 của UBND
tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp, cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch; quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng.
2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quy định viết tắt, giải thích từ ngữ

1. Quy hoạch xây dựng viết tắt là QHXD.
2. Quy hoạch xây dựng vùng gọi tắt là quy hoạch vùng, viết tắt là QHV.
3. Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng gọi chung là quy hoạch chung, viết tắt là QHC.
4. Quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng gọi chung là quy hoạch phân khu, viết tắt là QHPK.
5. Quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng gọi chung là quy hoạch chi tiết, viết tắt là QHCT.
6. Quy hoạch nông thôn viết tắt là QH.NT, bao gồm: Quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.
7. Thiết kế đô thị viết tắt là TKĐT.
8. Đầu tư xây dựng viết tắt là ĐTXD.
9. Quy chế quản lý kiến trúc viết tắt là Quy chế QL.KT.
10. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.
11. Hội đồng nhân dân viết tắt là HĐND.
12. Các phòng Kinh tế và hạ tầng, phòng Quản lý đô thị gọi chung là phòng quản lý xây dựng cấp huyện, viết tắt là phòng QLXD cấp huyện.
13. UBND huyện, thị xã, thành phố gọi chung là UBND cấp huyện.

14. UBND xã, phường, thị trấn gọi chung là UBND cấp xã.

15. Quản lý trật tự xây dựng là việc các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra sự tuân thủ QHXD, TKĐT, GPXD, hồ sơ thiết kế được duyệt đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng theo quy định.

16. Khu vực có ý nghĩa quan trọng: Là các khu vực có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của tỉnh và quốc gia; các khu vực có vai trò là điểm nhấn về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, được quy định như sau:

a) Các khu vực trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện trở lên;

b) Các khu vực có vai trò là điểm nhấn về không gian, kiến trúc, cảnh quan được xác định trong các đồ án quy hoạch chung đô thị được phê duyệt;

c) Khu vực có cảnh quan đặc biệt, cảnh quan gắn với các khu di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh trở lên; khu vực bảo tồn được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

d) Các khu đô thị mới và khu nhà ở mới có diện tích từ 15 ha trở lên; điểm dân cư nông thôn nằm trong quy hoạch chung đô thị có quy mô từ 20 ha trở lên; các tòa nhà thương mại - dịch vụ cao tầng, các khu nhà ở cao tầng (từ 20 tầng trở lên).

e) Các khu thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục - thể thao, du lịch, công viên, giáo dục đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học, dịch vụ y tế, khu nghỉ dưỡng, dưỡng lão, khu nghỉ trang nhân dân, khu xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải nằm trong QHC đô thị có quy mô diện tích từ 20 ha trở lên.

17. Khu chức năng: Là khu vực phát triển theo các chức năng chuyên biệt hoặc hỗn hợp như khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch, khu sinh thái; khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa; khu nghiên cứu đào tạo; khu thể dục thể thao; cảng hàng không, cảng biển; khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về QHXD

1. Trách nhiệm của các cấp

a) UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về QHXD trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

b) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về QHXD.

c) Phòng QLXD cấp huyện là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về QHXD, trật tự xây dựng trong địa giới hành chính do mình quản lý.

2. Trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, ngành và cơ quan liên quan

a) Công tác quản lý QHXD phải được phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, có hệ thống, đảm bảo hiệu quả giữa UBND các cấp, giữa cơ quan chuyên môn cấp dưới với cơ quan chuyên môn cấp trên, giữa các cơ quan chuyên môn cùng cấp.

b) Sở Xây dựng và các cơ quan nhà nước thống nhất, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về các dự án đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với QHXD, quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Mục 1. QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG

Điều 4. Cơ quan tổ chức lập QHV

1. UBND tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHV liên huyện.
2. UBND cấp huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHV huyện.
3. UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao các cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án QHV theo phân cấp này.

Điều 5. Cơ quan thẩm định, phê duyệt QHV

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

Mục 2. QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

Điều 6. Nguyên tắc lập quy hoạch đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Điều 1 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Điều 7. Cơ quan lập quy hoạch đô thị

1. UBND tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHC đô thị mới, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố trực thuộc trung ương (trừ đô thị loại đặc biệt), QHPK các khu vực đã có QHC đô thị nhưng không nằm trong địa giới hành chính của thị xã, thành phố thuộc tỉnh; QHPK và QHCT các khu vực có phạm vi địa giới hành chính thuộc 2 huyện trở lên, trừ QHC đô thị mới

có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị quy định tại khoản 3 Điều này.

2. UBND thành phố, thị xã tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHC thành phố thuộc tỉnh, thị xã; QHPK, QHCT trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy hoạch đô thị quy định tại các khoản 1 và 3 Điều này; UBND huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHC, QHCT thị trấn, trừ quy hoạch đô thị quy định tại các khoản 1 và 3 Điều này.

3. Chủ đầu tư dự án ĐTXD tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHCT khu vực được giao đầu tư.

4. UBND tỉnh, UBND thành phố, thị xã giao các cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc lập các đồ án quy hoạch đô thị theo phân cấp này.

Điều 8. Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị

1. Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

2. Phòng QLXD cấp huyện thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

Điều 9. Cơ quan phê duyệt quy hoạch đô thị

1. UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch sau:

a) QHC đô thị (trừ QHC đô thị từ loại I trở lên, QHC đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và QHC đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên); đối với đồ án QHC đô thị loại II, III, IV và đô thị mới, trước khi phê duyệt phải lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng;

b) QH.CNHT đô thị làm cơ sở để tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng;

c) QHPK thuộc đô thị loại I trở lên; QHPK các khu vực đã có QHC đô thị nhưng không nằm trong địa giới hành chính của thị xã, thành phố thuộc tỉnh; QHPK và QHCT các khu vực trong đô thị có phạm vi địa giới hành chính thuộc hai huyện, thị xã, thành phố trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới (trừ khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của quốc gia theo quy định của Chính phủ).

d) UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng: Phê duyệt hợp khối công trình nhà ở riêng lẻ, ghép các thửa đất liền kề nhau thành một thửa đất để xây dựng nhà ở riêng lẻ; phê duyệt bổ sung mẫu thiết kế đô thị cho các đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch được phê duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng và không gian kiến trúc cảnh quan của khu nhà ở và khu vực; ban hành các quy định quản lý theo đồ án quy hoạch của các đồ án quy hoạch do Sở Xây dựng thẩm định.

2. UBND thành phố, thị xã phê duyệt nhiệm vụ và đồ án QHPK, QHCT trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch đô thị quy định tại khoản 1 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

3. UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án QHCT tại thị trấn, trừ các quy hoạch đô thị quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Mục 3. QUY HOẠCH XÂY DỰNG KHU CHỨC NĂNG

Điều 10. Nguyên tắc lập quy hoạch xây dựng khu chức năng

Thực hiện theo Điều 10, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Điều 11. Cơ quan lập quy hoạch xây dựng khu chức năng

1. UBND tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án QHC xây dựng khu chức năng có quy mô trên 500ha (trừ khu chức năng được xác định trong đồ án QHC đô thị được phê duyệt) và nhiệm vụ, đồ án QHPK khu chức năng trên địa bàn tỉnh (trừ khu chức năng do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng lập và quy định tại Khoản 3 điều này).

2. UBND cấp huyện tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHCT xây dựng khu chức năng được giao quản lý hoặc đầu tư thuộc địa bàn huyện (trừ khu chức năng thuộc Khoản 3 điều này).

3. Chủ đầu tư dự án ĐTXD tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QHPK, QHCT khu chức năng được giao quản lý hoặc đầu tư.

4. UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao các cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc lập các đồ án quy hoạch khu chức năng theo phân cấp này.

Điều 12. Cơ quan thẩm định quy hoạch xây dựng khu chức năng

1. Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

2. Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh thẩm định nhiệm vụ và đồ án QHCT thuộc diện phải lập QHCT trong các KCN tập trung (theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ).

3. Phòng QLXD cấp huyện thẩm định nhiệm vụ và đồ án QHCT khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

Điều 13. Cơ quan phê duyệt quy hoạch khu chức năng

1. UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án:

a) QHC xây dựng khu chức năng, trừ các QHC xây dựng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

b) QHPK xây dựng các khu chức năng; QHCT xây dựng khu chức năng trong phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên.

2. Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ và các nhiệm vụ khác được UBND tỉnh giao theo quy định.

3. UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án QHCT xây dựng khu chức năng trong phạm vi địa giới hành chính trừ các khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Mục 4. QUY HOẠCH NÔNG THÔN

Điều 14. Nguyên tắc lập quy hoạch nông thôn

Thực hiện theo Điều 16, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Điều 15. Cơ quan lập, thẩm định QH.NT

1. UBND cấp xã tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án QH.NT.

2. Chủ đầu tư dự án ĐTXD tổ chức lập QHCT điểm dân cư nông thôn (bao gồm cả khu nhà ở tại nông thôn) được giao đầu tư.

3. Phòng QLXD cấp huyện thẩm định nhiệm vụ và đồ án QH.NT.

Điều 16. Cơ quan phê duyệt QH.NT

UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án QH.NT sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Mục 5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 17. Lấy ý kiến trong quá trình tổ chức lập QH.XD

Trách nhiệm lấy ý kiến về QHXD thực hiện theo Điều 16, Điều 17 Luật Xây dựng; Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị; Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

Điều 18. Điều chỉnh QHXD

1. Điều kiện điều chỉnh quy hoạch

a) Quy hoạch đô thị: Thực hiện theo Điều 47, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12; Khoản 8, Khoản 9 Điều 29 Luật số 35/2018/QH14 và điểm b, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP.

b) Quy hoạch xây dựng: Thực hiện theo Khoản 10 Điều 28 Luật số 35/2018/QH14 và điểm b, Khoản 4, Điều 2 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh QHXD được áp dụng như đối với nhiệm vụ và đồ án QHXD lập mới.

Chương III

QUẢN LÝ KIẾN TRÚC

Mục 1. QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ

Điều 19. Công trình kiến trúc có giá trị

1. Tiêu chí đánh giá công trình kiến trúc có giá trị: Thực hiện theo Điều 3, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

2. Phân loại công trình kiến trúc có giá trị: Thực hiện theo Điều 4, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

Điều 20. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị

1. Cơ quan lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn.

2. Trình tự lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

3. Thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị: Thực hiện theo Khoản 3, Điều 5, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

Mục 2. LẬP, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC

Điều 21. Lập Quy chế QL.KT

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Quy chế QL.KT.

Điều 22. Thẩm định, phê duyệt, ban hành Quy chế QL.KT

1. Thẩm định Quy chế QL.KT

Sở Xây dựng tổ chức thẩm định Quy chế QL.KT cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan, tổ chức có liên quan; thành lập hội đồng để thẩm định và lập báo cáo thẩm định. Cơ quan được yêu cầu góp ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

2. Phê duyệt, ban hành Quy chế QL.KT

- UBND tỉnh phê duyệt và ban hành Quy chế QL.KT cho các đô thị trên địa bàn tỉnh. Trước khi ban hành, UBND tỉnh có trách nhiệm trình HĐND tỉnh thông qua Quy chế QL.KT đô thị.

- UBND cấp huyện phê duyệt và ban hành Quy chế QL.KT cho điểm dân cư nông thôn trên địa bàn. Trước khi ban hành, UBND cấp huyện có trách nhiệm trình HĐND cấp huyện thông qua Quy chế QL.KT điểm dân cư nông thôn.

Điều 23. Công bố Quy chế QL.KT

Cơ quan lập quy chế quản lý kiến trúc có trách nhiệm tổ chức công bố Quy chế QL.KT theo Điều 11, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

Điều 24. Điều chỉnh Quy chế QL.KT

Thực hiện theo Điều 15, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Điều 14, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ THỰC HIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 25. Kế hoạch thực hiện ĐTXD theo QHXD

UBND các cấp có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức lập kế hoạch phát triển đô thị, kế hoạch phát triển nhà ở, kế hoạch ĐTXD các công trình hạ tầng theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Kế hoạch ĐTXD do cơ quan chuyên môn về kế hoạch đầu tư thẩm định, UBND cùng cấp quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định QHXD.

Điều 26. Trách nhiệm quản lý kinh phí cho công tác QHXD

1. Cơ quan, tổ chức lập QHXD (trừ chủ đầu tư dự án ĐTXD) có trách nhiệm xây dựng danh mục các đồ án QHXD và dự toán kinh phí cho công tác lập, công bố, công khai và cấm mốc giới QHXD, báo cáo Sở Tài chính (hoặc Phòng Tài chính cấp huyện) xem xét, trình UBND tỉnh (hoặc UBND cấp huyện) phê duyệt kế hoạch vốn ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Cơ quan thẩm định, phê duyệt QHXD là cơ quan thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, công khai, cấm mốc QHXD.

Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện là cơ quan thẩm định quyết toán trình Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt.

Điều 27. Cung cấp thông tin về QHXD

a) Cơ quan giải quyết:

- UBND tỉnh giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối cung cấp thông tin QHXD cho các tổ chức, cá nhân trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các KCN tỉnh và phòng QLXD cấp huyện.

- UBND tỉnh giao Ban Quản lý các KCN tỉnh cung cấp thông tin QHXD cho các tổ chức, cá nhân tại các KCN tập trung đã có QHPK được duyệt.

- UBND huyện giao Phòng QLXD cấp huyện cung cấp thông tin QHXD cho tổ chức, cá nhân tại nơi đã có quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, Quy chế QL.KT, quy hoạch nông thôn được duyệt. Khi cung cấp thông tin QHXD, nếu có nội dung chưa rõ thì lấy ý kiến của Sở Xây dựng.

b) Đối tượng: Khi các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin quy hoạch.

c) Hình thức cung cấp thông tin về QHXD: Thực hiện theo quy định tại Khoản 16, Điều 28 và Khoản 3, Điều 29 Luật số 35/2018/QH14.

Điều 28. Giới thiệu địa điểm xây dựng.

1. Sở Xây dựng giới thiệu địa điểm, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 46 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

2. Trong quá trình giới thiệu địa điểm, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.

Điều 29. Công bố QHXD

Thực hiện theo Điều 54 Luật Quy hoạch đô thị; Khoản 13, Khoản 14 và Khoản 15, Điều 28 Luật số 35/2018/QH14; Khoản 12, Điều 29 Luật số 35/2018/QH14; Điều 5 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019.

Điều 30. Cấm mốc giới, quản lý mốc giới theo QHXD

Thực hiện theo định tại các Điều 44 Luật Xây dựng và Điều 57 Luật Quy hoạch đô thị.

Điều 31. Trách nhiệm quản lý QHXD và trật tự xây dựng

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Giúp UBND tỉnh quản lý chung về QHXD trên địa bàn tỉnh; tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý QHXD.

b) Xem xét, quyết định theo thẩm quyền về các nội dung liên quan đến quản lý QHXD. Thực hiện thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của UBND cấp huyện trong công tác quản lý QHXD và quản lý trật tự xây dựng.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các KCN tỉnh

Tổ chức quản lý việc thực hiện QHXD và trực tiếp quản lý trật tự xây dựng trong các KCN tập trung.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Tổ chức việc thực hiện QHXD, Quy chế QL.KT và các quy định khác về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn; thông báo cho chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng tình trạng xuống cấp, hư hỏng của cảnh quan, kiến trúc đô thị.

b) Trực tiếp kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm QHXD, Quy chế QL.KT và trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định pháp luật.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp quản lý quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn, kịp thời phát hiện các vi phạm, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo UBND cấp huyện để xử lý vi phạm.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Quy định chuyển tiếp

1. Các đồ án QHXD đang tổ chức lập, thẩm định thì thực hiện các bước tiếp theo theo quy định này.

2. Đối với QHXD trước đây được Sở Xây dựng, UBND tỉnh phê duyệt, việc điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định này.

Điều 33. Chế độ thông tin báo cáo

1. UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện về công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng theo định kỳ 06 tháng, 01 năm.

2. Ban Quản lý các KCN tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng về công tác lập, thẩm định, phê duyệt QHXD, công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo định kỳ 06 tháng, 01 năm.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh về công tác lập, thẩm định, phê duyệt QHXD, công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ 06 tháng, 01 năm.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.